

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 2 tháng 8

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.
2. Địa chỉ: Đường Huỳnh Văn Nghệ, khu phố Gia Ray 2, phường Xuân Lộc, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế:
 - Phân xưởng nước Gia Ray: 15.000 m³/ngày đêm;
 - Phân xưởng nước Tâm Hưng Hoà: 10.000 m³/ngày đêm;
 - Trạm Sông Ray: 150 m³/ngày đêm;
 - Phân xưởng nước Định Quán: 4.200 m³/ngày đêm;
 - Phân xưởng nước Tân Phú: 4.200 m³/ngày đêm;
 - Tổng số HGD được cung cấp nước: ...
4. Nguồn nước nguyên liệu:
 - Phân xưởng nước Gia Ray sử dụng nước hồ Núi Le;
 - Phân xưởng nước Tâm Hưng Hoà sử dụng nước hồ Gia Ui;
 - Trạm Sông Ray sử dụng nước giếng khoan;
 - Phân xưởng nước Định Quán sử dụng nước đập Suối Soong (hồ Ba Giọt);
 - Phân xưởng nước Tân Phú: 4.200 m³/ngày đêm;
5. Thời gian kiểm tra: ngày 24 tháng 08 năm 2026

6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 14 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	Bể chứa - Trạm Định Quán	Phố 1, ấp 3, xã Phú Vinh.	Trường Tổ Ong Vàng.	Giếng 4 - Trạm Tân Phú.	Giếng 5 - Trạm Tân Phú.	Giếng 7 - Trạm Tân Phú.	Khu phố Tân Tiến - phường Xuân Lộc.	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
	Các thông số									
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	/	0.00153	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.65	0.60	0.55	0.55	0.60	0.60	0.40	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.16	0.23	0.22	0.04	0.03	0.07	0.19	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	2.22	2.37	2.22	KPH	KPH	KPH	1.55	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.78	7.83	7.82	7.05	7.01	7.11	7.47	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.90	1.03	0.52	KPH (<i>LOD</i> =0.15)	< LOQ (<i>LOQ</i> =0.50)	KPH (<i>LOD</i> =0.15)	0.84	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	0.054	0.069	0.062	< LOQ (<i>LOQ</i> =0.039)	< LOQ (<i>LOQ</i> =0.039)	< LOQ (<i>LOQ</i> =0.039)	< LOQ (<i>LOQ</i> =0.039)	1	Đạt

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	KCN Tân Phú.	KP8, Lương Thế Vinh.	Trạm Gia Ray.	Khu phố Gia Ray 2 - phường Xuân Lộc.	Trạm Tâm Hưng Hòa.	Áp Xuân Tâm 1 - xã Xuân Hòa.	Áp Xuân Hưng 3 - xã Xuân Hòa.	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
	Các thông số									
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.55	0.50	0.60	0.40	0.50	0.40	0.30	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.06	0.02	0.13	0.29	0.20	0.22	0.31	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	KPH	KPH	1.41	2.29	2.07	2.00	1.85	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.15	7.16	7.40	7.46	7.44	7.21	7.43	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.50)	0.65	1.03	0.97	0.71	1.03	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trần Biên, ngày 24 tháng 08 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC
PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC



Đặng Thị Tâm

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 2 tháng 8

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.
2. Địa chỉ: Số 329, tổ 2, KP21, phường Long Bình, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế: 305.000 m³/ngày đêm.

Tổng số dân được cung cấp nước: ...

4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Đồng Nai.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 24 tháng 08 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 3 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	Đồng hồ D300 KCN Giang Điền - Đường số 6, KCN Giang Điền, phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai.	Nhà dân - số 161/G, đường 3/2, KP5, phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai.	Đồng hồ D300 KCN Bàu Xéo, phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai.	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
	Các thông số					
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	0.00066	0.00065	0.00061	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.69	0.40	0.50	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.17	0.14	0.41	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.74	1.04	0.96	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.25	7.18	7.25	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.71	0.90	1.03	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Dấu (/) không thực hiện.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trần Biên, ngày 24 tháng 08 năm 2026

TUO GIÁM ĐỐC
PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC



Đặng Thị Tâm

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 2 tháng 8

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Long Bình.
2. Địa chỉ: Tổ 8, KP22, phường Long Bình, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế:
 - Trạm Long Bình: 36.000 m³/ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: ...
 - Khu xử lý Vĩnh An: 10.000 m³/ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: ...
4. Nguồn nước nguyên liệu:
 - Trạm Long Bình sử dụng nước mặt sông Đồng Nai.
 - Khu xử lý Vĩnh An sử dụng nước hồ Trị An.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 24 tháng 08 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
 - 10 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
 - Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	Bể chứa KXL Vĩnh An, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An, TP. Đồng Nai.	Trường PTTH Trị An, KP. Vĩnh An 2, phường Trị An, TP. Đồng Nai.	Trường tiểu học Cây Gáo A, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An, TP. Đồng Nai.	Chợ Vĩnh An, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An, TP. Đồng Nai.	Ban Chi huy quân sự phường Trị An, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An, TP. Đồng Nai.	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
	Các thông số							
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.70	0.50	0.45	0.45	0.40	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.28	0.62	0.37	0.87	0.40	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.11	1.92	1.26	2.22	2.07	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.12	7.22	6.81	6.88	6.97	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	< LOQ (LOQ=0.50)	0.58	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.50)	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	1	Đạt

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	Số 30, đường Nguyễn Tất Thành, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An, TP. Đồng Nai.	Trường mầm non Sơn Ca, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An, TP. Đồng Nai.	Giếng 1 - trạm Bàu Hàm, ấp Tân Hợp, xã Bàu Hàm.	Giếng 2 - trạm Bàu Hàm, ấp Tân Hợp, xã Bàu Hàm.	Nhà dân - số 89/3, KP5, ấp Tân Hợp, xã Bàu Hàm.	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
	Các thông số							
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.40	0.35	0.60	0.60	0.40	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.82	0.83	0.39	0.79	0.59	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	2.37	2.37	0.89	2.29	2.15	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.79	6.74	7.73	8.11	8.10	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.84	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.50)	KPH (LOD=0.15)	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.135	0.084	0.140	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trần Biên, ngày 24 tháng 08 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC
PP. QUAN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC



Đặng Thị Tâm

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 2 tháng 8



A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Thanh Phú.
2. Địa chỉ: Khu phố Thiện Tân, phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế: 15.000 m³/ngày đêm.
- Tổng số HGD được cung cấp nước: ...
4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Đồng Nai.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 24 tháng 08 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
 - 5 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
 - Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	Bể chứa CNCN Thanh Phú.	Khu phố Thiện Tân, phường Trảng Dài.	Trạm giao dịch Thanh Phú.	KP Bình Hoà, phường Tân Triều.	UBND phường Tân Triều.	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
	Các thông số							
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	KPH	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.75	0.45	0.40	0.30	0.35	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.13	0.23	0.22	0.25	0.35	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.59	1.41	KPH	1.18	1.33	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.06	7.12	7.17	7.07	7.12	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.52	0.65	0.52	0.52	0.65	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	< LOQ (LOQ=0.039)	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trần Biên, ngày 24 tháng 08 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC
PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC



Đặng Thị Tâm